



BỘ TÀI CHÍNH

TÀI LIỆU HỘI NGHỊ

**ĐỐI THOẠI GIỮA BỘ TÀI CHÍNH VỚI DOANH NGHIỆP
HÀN QUỐC VỀ CHÍNH SÁCH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

THUẾ VÀ HẢI QUAN NĂM 2025

NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC HẢI QUAN

THÁNG 9/2025

MỤC LỤC TÀI LIỆU

Mục lục	Nội dung	Trang
Phần A	Công tác cải cách hành chính của Ngành Hải quan 9 tháng đầu năm 2025	1
Phần B	Giới thiệu chính sách mới về hải quan được ban hành từ tháng 3 năm 2024 đến nay.	17



manabox
Where there is a will, there is a way

Phần A

CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA NGÀNH HẢI QUAN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025



CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA NGÀNH HẢI QUAN

ĐẾN THÁNG 9 NĂM 2025

Trong 9 tháng năm 2025, bối cảnh quốc tế vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng, các căng thẳng thương mại, chính sách bảo hộ gia tăng, tình hình thế giới tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường. Đặc biệt, việc Hoa Kỳ bất ngờ công bố chính sách thuế đối ứng ở mức cao trên diện rộng đối với các nước, trong đó có Việt Nam, đã tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đe dọa nghiêm trọng chuỗi cung ứng và dòng chảy thương mại, đầu tư quốc tế.... kéo theo nhiều hệ lụy cho các nền kinh tế. Ở trong nước, nền kinh tế tiếp tục chịu “tác động kép” của những yếu tố bất lợi từ bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài.

Trước tình hình trên, bám sát các Kế hoạch, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Tài chính và sự nỗ lực không ngừng của công chức, viên chức, người lao động ngành Hải quan, Cục Hải quan đã tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả công tác cải cách hành chính (CCHC) nhằm bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát hải quan, với mục tiêu cao nhất là phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Cục Hải quan đã bám sát các kế hoạch của Bộ Tài chính, chú trọng triển khai công tác cải cách hành chính ngay từ đầu năm thông qua ban hành Quyết định số 127/QĐ-TCHQ ngày 24/01/2025 về Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025, Quyết định số 168/QĐ-TCHQ ngày 14/02/2025 về Kế hoạch triển khai nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025 bảo đảm chất lượng, đúng thời hạn; tích cực nghiên cứu triển khai và ban hành Kế hoạch hành động của Cục Hải quan thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những

nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025.

Cục Hải quan luôn tập trung chỉ đạo, đẩy mạnh việc nghiên cứu rà soát cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hải quan, loại bỏ các quy định không cần thiết, không hợp lý; hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác nghiệp vụ, quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng quy định và hiệu quả giải quyết TTHC; tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chính sách quản lý hải quan để tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

Trong 9 tháng năm 2025 Cục Hải quan đã chủ động phối hợp tích cực với các Bộ, ngành, Văn phòng Chính phủ trong việc xây dựng, hoàn thiện các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Cục Hải quan đã tập trung nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ sâu; bố trí thời gian hợp lý, chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết xây dựng văn bản theo tháng, theo tuần và kiểm soát chặt chẽ công việc theo kế hoạch. Các văn bản QPPL đảm bảo thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng được ban hành kịp thời nhằm tăng cường cải cách hành chính, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của cộng đồng doanh nghiệp, hạn chế các quy định chồng chéo giữa các cơ quan quản lý, bảo đảm tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả..

Theo đó, 9 tháng năm 2025, Cục Hải quan đã tích cực đẩy mạnh công tác hoàn thiện cơ chế, chính sách, cụ thể: Chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính Bộ Tài chính xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan. Các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung của Luật Hải quan nêu trên đã được đưa vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng

tài sản công – đã được thông qua vào ngày 25/6/2025, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội Khóa XV - Luật số 90/2025/QH 15. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

Trình Bộ Tài chính đề trình Chính phủ ban hành Nghị định số 167/NĐ-CP, ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Trình Bộ Tài chính ban hành các Thông tư số 29/2025/TT-BTC ngày 26/5/2025 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 31/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá; Thông tư số 47/2025/TT-BTC ngày 20/6/2025 của Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong bối cảnh dịch Covid-19; Thông tư số 51/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định thủ tục về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

Trong thời gian tới, Cục Hải quan tiếp tục hoàn thiện trình Bộ Tài chính đề trình Chính phủ ban hành: (1). Nghị định sửa đổi Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa Quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; (2). Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa XK, NK được giao dịch qua thương mại điện tử; (3) Nghị định thay thế Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính

trong lĩnh vực hải quan; (4) Nghị định thay thế Nghị định 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ; (5) Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế XK, thuế NK và quản lý thuế đối với hàng hóa XK, NK; (6) Thông tư về các chỉ tiêu thông tin thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa XK, NK giao dịch thương mại điện tử; (7) Thông tư sửa đổi Thông tư số 50/2018/TT-BTC ngày 23/5/2018 quy định chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ và đường sông; ...

Bên cạnh công tác hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về hải quan, Cục Hải quan còn chú trọng triển khai công tác pháp điển, hợp nhất, rà soát văn bản quy phạm pháp luật. đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, phát triển quan hệ đối tác giữa hải quan với doanh nghiệp - xác định là cầu nối để đưa chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với doanh nghiệp; đồng thời góp phần tích cực trong việc hỗ trợ pháp lý và giải đáp các khó khăn, vướng mắc cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình làm TTHQ.

2. Cải cách TTHC

a) Cải cách TTHC giữa cơ quan Hải quan với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp

Cục Hải quan luôn tích cực, chú trọng công tác cải cách thủ tục hành chính để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan, luôn khẩn trương xử lý các vướng mắc của hải quan địa phương và doanh nghiệp khi thực hiện các quy định của pháp luật về thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt...; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai

hệ thống miễn, giảm, hoàn điện tử, thực hiện tốt cơ chế một cửa... nhằm rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ hành chính của doanh nghiệp, người nộp thuế.

Trong 9 tháng năm 2025, Cục Hải quan cũng tiếp tục nghiên cứu, cải cách TTHC trong quá trình xây dựng, chỉnh lý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật như Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử; Nghị định quy định về cơ chế quản lý phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu để loại bỏ bớt các thủ tục, trình tự, thành phần hồ sơ không cần thiết cho hoạt động quản lý nhằm giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp; Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế XK, thuế NK và quản lý thuế đối với hàng hóa XK, NK; Thông tư về các chỉ tiêu thông tin thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa XK, NK giao dịch qua thương mại điện tử; Thông tư sửa Thông tư số 50/2018/TT-BTC ngày 23/5/2018 quy định chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ và đường sông;

b) Về rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Trong thời gian qua, bám sát chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính về cần tiếp tục cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh, yêu cầu đưa môi trường đầu tư kinh doanh phần đầu giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính; ít nhất 30% chi phí kinh doanh, đặc biệt là hải quan, chi phí tuân thủ quy định, chi phí không chính thức, bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết; phần đầu trong vòng 2 - 3 năm môi trường đầu tư của Việt Nam nằm trong Top 3 của ASEAN, Cục Hải quan đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Cục Hải quan (Quyết định số 478/QĐ-CHQ ngày 07/5/2025 của Cục Hải quan) và Kế hoạch kiểm tra công tác giải quyết TTHC năm 2025 của Cục Hải quan (Quyết

định số 786/QĐ-CHQ ngày 26/6/2025), bảo đảm theo nguyên tắc rõ mục tiêu, rõ người, rõ việc, rõ thời gian và rõ kết quả.

Theo đó, Cục Hải quan đã hoàn thành nhiệm vụ rà soát tổng thể, thống kê TTHC, điều kiện kinh doanh, chế độ báo cáo và tính toán chi phí tuân thủ đối với 214 TTHC do cơ quan Hải quan trực tiếp giải quyết theo yêu cầu tại công văn số 3234/VPCP-KSTT ngày 16/4/2025 của Văn phòng Chính phủ (kết quả tổng hợp tại công văn số 3819/CHQ-VP ngày 29/4/2025 và công văn số 4917/CHQ-VP ngày 14/5/2025). Trên cơ sở kết quả thống kê, đã đề xuất các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC để tham mưu báo cáo Lãnh đạo Cục phê duyệt Tờ trình Bộ v/v tổng hợp kết quả báo cáo các phương án đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Cục Hải quan theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ và Quyết định số 1362/QĐ-BTC ngày 14/5/2025 của Bộ Tài chính. Trên cơ sở đề xuất của Cục Hải quan, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2421/QĐ-BTC ngày 09/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính năm 2025, trong đó có 39 TTHC lĩnh vực Hải quan và báo cáo Bộ trình Chính phủ ban hành Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 27/8/2025 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC lĩnh vực tài chính thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Với những nỗ lực rà soát hệ thống văn bản QPPL, danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý, kết quả đề xuất của Cục Hải quan đã vượt chỉ tiêu theo yêu cầu của đ/c Tổng Bí thư đặt ra đối với ngành Hải quan là cắt giảm tối thiểu 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết, giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC và tối thiểu 30% chi phí tuân thủ TTHC. Cục Hải quan đã và đang tích cực thực hiện sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản QPPL để bảo đảm thực thi các phương án đã được phê duyệt theo đúng tiến độ được Bộ Tài chính và Chính phủ giao trong năm 2025-2026.

c) Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Cục Hải quan tiếp tục duy trì và vận hành ổn định, hiệu quả Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC theo cơ chế một cửa tại cơ quan Cục Hải quan. Tổng số hồ sơ TTHC phát sinh tại bộ phận một cửa Tổng cục trong 9 tháng năm 2025 khoảng hơn 25.134. Tất cả hồ sơ phát sinh tại bộ phận một cửa trong thời gian qua cơ bản đều được giải quyết đúng hạn.

Với vai trò là đầu mối giúp việc cho Cơ quan thường trực Ủy ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại, Cục Hải quan tiếp tục đôn đốc, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành thực hiện Kế hoạch tổng thể triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại. Tính đến nay, Cơ chế một cửa quốc gia đã có 250 TTHC của 13 Bộ, ngành kết nối.

Duy trì kết nối chính thức Cơ chế một cửa ASEAN để trao đổi thông tin chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với tất cả 09 nước thành viên ASEAN. Ngoài ra, Cục Hải quan đã tham mưu với Ủy ban chỉ đạo quốc gia triển khai kết nối với đối tác ngoài ASEAN. Tiếp tục triển khai Dự án mở rộng Cổng Thông tin một cửa quốc gia và kết nối cơ chế một cửa ASEAN (giai đoạn 3).

d) Về kiểm soát TTHC

- Về công bố TTHC: Tính đến 15/9/2025, Cục Hải quan đã chủ trì trình Bộ ban hành 02 Quyết định công bố: Quyết định số 2864/QĐ-BTC ngày 20/8/2025, Quyết định số 2902/QĐ-BTC ngày 25/8/2025 và phối hợp với Cục Thuế, Cục Quản lý thuế phí, lệ phí ban hành 03 Quyết định công bố: Quyết định số 1913/QĐ-BTC ngày 30/5/2025, Quyết định số 2122/QĐ-BTC ngày 24/6/2025, Quyết định số 2371/QĐ-BTC ngày 04/7/2025, theo đó đã công bố: 08 TTHC mới, 11 TTHC sửa đổi bổ sung và bãi bỏ 08 TTHC. Như vậy, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, theo dõi của Cục Hải quan tính đến thời điểm báo cáo là 225 TTHC

Trong 9 tháng năm 2025, Cục Hải quan tiếp tục duy trì, vận hành ổn định các hệ thống DVCTT của Ngành, duy trì triển khai thực hiện các DVCTT hải quan đã kết nối, tích hợp lên Cổng DVCQG; triển khai thực hiện Bộ chỉ số phục

vụ người dân và doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1507/QĐ-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, trong đó tiếp tục đẩy mạnh quá trình đồng bộ hoá dữ liệu, số hoá hồ sơ giải quyết TTHC hiện có lên Cổng dịch vụ công trực tuyến Bộ Tài chính và Cổng dịch vụ công quốc gia.

Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: Cục Hải quan luôn khẩn trương xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính. Duy trì niềm yết công khai số điện thoại đường dây nóng, lịch tiếp công dân, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tại trụ sở cơ quan, đơn vị và địa điểm làm thủ tục hải quan.

Bên cạnh đó, Cục Hải quan còn chú trọng triển khai nhiều tin bài tuyên truyền về công tác cải cách hành chính. Theo đó, Cục Hải quan đã triển khai thực hiện 22 số “Chương trình Hải quan Việt Nam”, thực hiện 10 tin, phóng sự trên bản tin Thời sự 19h của VTV1, Đài THVN..., tổ chức khoảng 60 buổi làm việc, phỏng vấn, cung cấp thông tin, tư liệu cho các cơ quan báo, đài. Theo thống kê các Báo, tạp chí, truyền hình đã có hơn 6000 tin, bài, phóng sự chất lượng góp phần giúp cho người dân, doanh nghiệp tìm hiểu, nắm bắt một cách có hệ thống công tác cải cách, hiện đại hóa hải quan, những đổi mới trong chính sách, pháp luật hải quan...

Tăng cường tuyên truyền kết quả về công tác cải cách hành chính trên các nền tảng số của Cục Hải quan (Facebook, Zalo và Tiktok, Youtube) với gần 300 tin, bài, phóng sự, chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, Bộ Tài chính, các thông tin hoạt động của Lãnh đạo Cục kết quả công tác của Cục Hải quan, đặc biệt là đẩy mạnh truyền thông về các hoạt động hướng tới kỷ niệm Cách mạng Tháng 8, Quốc khánh 2/9 và kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống ngành Tài chính nói chung và Hải quan Việt Nam nói riêng.

3. Cải cách tổ chức bộ máy và chế độ công vụ

3.1 Cải cách tổ chức bộ máy

Thời gian qua, Cục Hải quan đã tập trung nguồn lực quyết liệt triển khai việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy bảo đảm tiến độ, chất lượng theo chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ và Bộ Tài chính với quyết tâm cao việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy báo cáo Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt mô hình tổ chức bộ máy của ngành Hải quan theo hướng kết thúc mô hình Tổng cục, tổ chức lại thành Cục Hải quan và tiếp tục tinh gọn đầu mối bên trong. Ngày 26/02/2025, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 382/QĐ-BTC quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan thuộc Bộ Tài chính, có hiệu lực thi hành kể từ 01/3/2025, Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30/5/2025, Quyết định số 2019/QĐ-BTC ngày 11/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan. Ngày 30/6/2025, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 2219/QĐ-BTC về việc tổ chức, triển khai hoạt động của Cục Hải quan. Theo đó, giữ nguyên số lượng 20 Chi cục Hải quan khu vực và điều chỉnh địa bàn quản lý để phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Triển khai các Quyết định nêu trên của Bộ Tài chính, Cục Hải quan đã khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và ban hành 18 Quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Cục Hải quan. Nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế các Quyết định tập trung vào các nội dung được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh tại 03 Quyết định nêu trên của Bộ Tài chính.

Theo các quyết định nêu trên, Cục Hải quan được tổ chức và hoạt động theo 03 cấp: Cục Hải quan; Chi cục Hải quan khu vực và Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu.

Sau khi sắp xếp, tổ chức lại Tổng cục Hải quan thành Cục Hải quan giảm khoảng 485/902 đầu mối, tương ứng 53.77%. Trong đó, tổ chức lại 35 Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố thành 20 Chi cục Hải quan khu vực; tổ chức lại 16 Vụ, Cục, đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục thành 12 đơn vị Ban, Chi cục thuộc cơ

quan Cục Hải quan. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Cục Hải quan đã đáp ứng được mục tiêu, định hướng của Chính phủ, của Bộ Tài chính là kết thúc mô hình Tổng cục và tinh gọn đầu mối bên trong. Thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, Cục Hải quan phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị bên trong, giảm đầu mối, khắc phục việc giao thoa về chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị, giúp các đơn vị hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn.

3.2 Cải cách chế độ công vụ

Trong tinh thần khẩn trương kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình mới, việc triển khai công tác xây dựng lực lượng, cải cách chế độ công vụ cũng luôn được Lãnh đạo Cục Hải quan quan tâm, chú trọng. Trên cơ sở Quyết định số 1348/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 14/6/2024 phê duyệt vị trí việc làm (VTVL) công chức Hải quan, Cục Hải quan đã ban hành bản mô tả công việc các VTVL và nhóm công việc thuộc VTVL công chức Tổng cục Hải quan và hướng dẫn triển khai VTVL trong toàn ngành. Cục Hải quan sẽ tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống VTVL toàn ngành sau khi mô hình tổ chức bộ máy và các văn bản quy trình nghiệp vụ mới được đưa vào vận hành ổn định.

Mặt khác, Lãnh đạo Cục Hải quan đã tiến hành giao biên chế công chức năm 2025 cho các đơn vị thuộc Cục Hải quan, sắp xếp, bố trí công chức theo mô hình tổ chức bộ máy mới cho 12 đơn vị khối Cục Hải quan, 20 Chi cục Hải quan khu vực, đồng thời rà soát đánh giá tình hình sử dụng đội ngũ lãnh đạo tại các đơn vị sau khi sắp xếp, để có phương án kiện toàn, bổ sung đối với các đơn vị thiếu hụt lãnh đạo, đảm bảo quy định và yêu cầu công việc.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo của Cục Hải quan cũng đạt được nhiều tích cực: Cục Hải quan đã tổ chức thành công các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức trong toàn Ngành. Các lớp đào tạo tập trung vào các nội dung trọng tâm như ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (tập huấn sử dụng hệ thống khai hải quan từ xa, lớp nâng cao nhận thức chuyển đổi số và công nghiệp 4.0,...) và quản lý rủi ro. Phối hợp với các cơ sở đào tạo trong nước và

quốc tế để cử công chức tham gia các lớp sát với nghiệp vụ chuyên môn và nâng cao năng lực chuyên môn. Đặc biệt, chương trình đào tạo trực tuyến đã được đẩy mạnh, giúp nâng cao hiệu quả học tập và tiết kiệm chi phí. Việc đánh giá kết quả sau đào tạo được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng nội dung và năng lực tiếp thu của học viên. Công chức sau đào tạo đã áp dụng kiến thức vào công việc, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan.

Cục Hải quan đã ban hành công văn chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; tiếp tục tăng cường kỷ cương hành chính và đánh giá kết quả thực hiện công việc được giao; thực hiện chấn chỉnh, hướng dẫn công tác đánh giá kết quả công việc hàng tháng; Xây dựng Quy chế đánh giá, xếp loại công chức, viên chức hàng tháng mới. Triển khai quyết liệt, nghiêm túc việc ghi nhật ký công việc và đánh giá kết quả công việc của từng công chức hàng tháng; thực hiện kiểm tra công vụ tại một số Chi cục Hải quan khu vực.

4. Cải cách tài chính công

Trong 9 tháng năm 2025, do chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy toàn ngành theo mô hình mới nên công tác cải cách tài chính công cũng được chú trọng triển khai theo đúng quy định, có hiệu quả, phấn đấu thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách đạt chỉ tiêu được giao và điều hành chi ngân sách đảm bảo theo quy định, công khai, hiệu quả, tiết kiệm.

Cục Hải quan đã tích cực triển khai Kế hoạch sắp xếp, xử lý tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, trong đó: Hướng dẫn các đơn vị về sắp xếp, xử lý tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước đạt 100%; Hoàn thành 100% tổng kiểm kê tài sản công theo Đề án Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024, 100% các đơn vị đã hoàn thành công tác bàn giao tài sản.

Nhìn chung, Cục Hải quan đã triển khai đúng tiến độ thực hiện các nhiệm vụ trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí và góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ được giao của toàn ngành Hải quan.

5. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

Trong 9 tháng năm 2025, Cục Hải quan đã triển khai nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn ngành Hải quan về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thông qua các hoạt động như: tổ chức các phiên họp của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm quán triệt trong toàn Ngành tập trung lực lượng triển khai các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, bên cạnh đó động viên cán bộ, công chức, viên chức khắc phục khó khăn, nỗ lực triển khai các nhiệm vụ được giao; thay đổi phương thức làm việc trong môi trường số; hoàn thiện thể chế, rà soát tổng thể hệ thống văn bản pháp luật lĩnh vực hải quan để tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW; ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Cục Hải quan năm 2025, định hướng 2026-2030 (tại Quyết định 339/QĐ-CHQ ngày 09/4/2025) để tổ chức triển khai quyết liệt và hiệu quả trong toàn Ngành; tập trung xây dựng các hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống nền tảng, nâng cấp 7 hệ thống ứng dụng cốt lõi phục vụ triển khai mô hình thông quan tập trung và triển khai cơ cấu tổ chức bộ máy mới.

Bên cạnh đó, Cục Hải quan tiếp tục xây dựng, phát triển dữ liệu như: Kết nối chia sẻ dữ liệu dân cư với hệ thống thông tin Cục Hải quan (đã hoàn thành kết nối kỹ thuật đến hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (C06) , hoàn thành tích hợp ứng dụng 03/06 dịch vụ do C06 cung cấp; 03/06 dịch vụ còn lại Cục Hải quan đang tích cực liên hệ trao đổi với các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện. Kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu của TTHC đang thực hiện trên Cổng thông tin một

cửa quốc gia với Cổng dịch vụ công quốc gia (đến ngày 15/8/2025 đã có 27 thủ tục được đồng bộ hồ sơ với Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong đó: 14 thủ tục được đồng bộ hồ sơ từ Hệ thống thông tin của Bộ Quốc phòng, 13 thủ tục được đồng bộ hồ sơ từ hệ thống Một cửa quốc gia, số lượng hồ sơ đã đồng bộ hồ sơ từ hệ thống Một cửa quốc gia với Cổng dịch vụ công quốc gia là 129.989 hồ sơ.

Về xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp, Cục Hải quan tiếp tục triển khai có hiệu quả các hệ thống ứng dụng trong lĩnh vực hải quan: Triển khai thí điểm việc thanh toán thuế, phí liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu thông qua các trung gian thanh toán; Triển khai diện rộng hệ thống quản lý cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế; Triển khai bước tiếp theo sau khi được Bộ phê duyệt chủ trương đầu tư: Nâng cấp Hệ thống quản lý phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh... Nghiên cứu triển khai các tờ khai trị giá thấp theo mẫu tờ khai VNACCS trên hệ thống Thông quan điện tử V6. Tiếp tục quản lý, giám sát và đảm bảo vận hành Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS và các hệ thống công nghệ thông tin tập trung của ngành Hải quan ổn định 24/7, đảm bảo an ninh, an toàn, đường truyền thông suốt phục vụ đặc lực cho việc thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu. Mặt khác, tiếp tục đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp: Hiện nay, có 231 TTHC trong lĩnh vực hải quan; trong đó, 214 thủ tục do cơ quan Hải quan thực hiện đã được cung cấp DVCTT gồm: 132 TTHC được cung cấp DVCTT toàn trình; 61 TTHC được cung cấp DVCTT một phần; 21 TTHC được cung cấp thông tin trực tuyến.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong 9 tháng năm 2025, Cục Hải quan đã tích cực ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành về công tác CCHC bảo đảm đầy đủ nội dung nhằm triển khai đồng bộ, quyết liệt công tác CCHC, tập trung rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, loại bỏ các quy định không cần thiết, không hợp lý tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu, chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 66/NQ-CP và đúng tiến độ của Bộ Tài chính đề ra. Công tác CCHC ngày càng đi vào thực chất, các chỉ tiêu được đề ra rõ ràng và triển khai

đồng bộ trong toàn ngành; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, tiết kiệm thời gian, chi phí, rút ngắn thời gian thông quan, giải phóng hàng hóa.

Công tác cải cách TTHC ngày càng được đẩy mạnh, tăng cường kiểm soát quy định TTHC ngay trong quá trình xây dựng văn bản QPPL và chú trọng việc tham vấn đối tượng chịu tác động, bảo đảm chỉ ban hành các quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý, thực hiện trên môi trường điện tử và chi phí tuân thủ thấp nhất. Chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác giải quyết TTHC ngày càng được nâng cao. Cục Hải quan đã và đang nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ trong toàn hệ thống nhằm đáp ứng phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số hiện nay, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

Để triển khai có hiệu quả công tác CCHC trong thời gian tới nhằm tiếp tục tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC lĩnh vực hải quan, Cục Hải quan tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật hải quan gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch; theo dõi, đôn đốc thực hiện xây dựng các văn bản QPPL theo yêu cầu của Bộ, Chính phủ giao, bảo đảm chất lượng, tiến độ đề ra.

2. Tiếp tục triển khai có hiệu quả và đảm bảo tiến độ đối với phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý lĩnh vực hải quan đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

3. Tiếp tục rà soát, nghiên cứu đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ, TTHC và các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo đảm tối ưu

hóa quy trình giải quyết TTHC trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin.

4. Tăng cường công tác kiểm soát TTHC trong lĩnh vực hải quan, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng đánh giá tác động của chính sách, TTHC, tính toán chi phí tuân thủ TTHC trong quá trình lập đề nghị và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có quy định của TTHC; thống kê trình Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố TTHC bảo đảm đúng thời hạn; giải quyết kịp thời, hiệu quả các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về TTHC./.



manabox
Where there is a will, there is a way

Phần B

**GIỚI THIỆU CHÍNH SÁCH MỚI VỀ HẢI QUAN
TỪ THÁNG 3 NĂM 2024 ĐẾN NAY**



CHÍNH SÁCH MỚI VỀ HẢI QUAN ĐƯỢC BAN HÀNH

TỪ THÁNG 3 NĂM 2024 ĐẾN THÁNG 9 NĂM 2025

Thực hiện công cuộc chuyển đổi số toàn diện và đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả của Trung ương, Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan trước đây (nay là Cục Hải quan) đã và đang đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy trình, quy chế trong lĩnh vực hải quan, đảm bảo hiện đại, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, phù hợp với các cam kết quốc tế, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Hải quan gắn với chuyển đổi số, cải cách hành chính và sắp xếp tổ chức bộ máy mới; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Theo đó, Cục Hải quan đã tập trung nguồn nhân lực, trong đó phân công cán bộ tham gia xây dựng văn bản có trình độ chuyên môn nghiệp vụ sâu; bố trí thời gian hợp lý, chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết xây dựng văn bản theo tháng, theo tuần và kiểm soát chặt chẽ công việc theo kế hoạch. Các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm tăng cường cải cách hành chính, tháo gỡ các vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp; hạn chế các quy định chồng chéo giữa các cơ quan quản lý, bảo đảm tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời, Ngành Hải quan đã chuyển đổi thành công hệ thống công nghệ thông tin theo cơ cấu tổ chức bộ máy mới từ 15/3/2025 và triển khai đồng bộ, quyết liệt các mục tiêu, giải pháp nhằm tạo thuận lợi thương mại, tháo gỡ khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp và đảm bảo công tác quản lý nhà nước về hải quan.

Hiện nay, Cục Hải quan đang chủ trì xây dựng, hoàn thiện các đề án thuộc Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Chính phủ, Bộ Tài chính. Điển hình như: (1) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa Quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên

ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; (2). Nghị định thay thế Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan; (3). Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 về kinh doanh hàng miễn thuế; (4). Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ; (5). Nghị định thay thế Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021; (6). Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tạm thời về quy trình, thủ tục hải quan và giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thí điểm qua cửa khẩu thông minh; (7). Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế XK, thuế NK và quản lý thuế đối với hàng hóa XK, NK; (8). Thông tư sửa đổi các Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 và Thông tư số 13/2020/TT-BTC ngày 06/3/2020 quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; (9). Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2014/TT-BTC ngày 11/02/2014 quy định thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam và bãi bỏ Thông tư số 27/2021/TT-BTC ngày 19/04/2021 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính; (10). Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 69/2016/TT-BTC ngày 06/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục

hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế hoặc gia công xuất khẩu xăng dầu, khí; dầu thô xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí; (11) Thông tư về các chỉ tiêu thông tin thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa XK, NK giao dịch thương mại điện tử; (12) Thông tư sửa Thông tư số 50/2018/TT-BTC ngày 23/5/2018 quy định chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ và đường sông v.v.

Cục Hải quan cũng đã triển khai rà soát tổng thể toàn bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy trình, quy chế trong lĩnh vực hải quan và xác định các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để triển khai chuyển đổi số hoạt động nghiệp vụ hải quan một cách toàn diện, đồng bộ với chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp, phù hợp với tổ chức bộ máy mới, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hải quan.

Để triển khai thành công mục tiêu chuyển đổi số trong thời gian tới, Cục Hải quan tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý và quy trình, thủ tục đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Ngành. Trong đó, tiếp tục rà soát tổng thể các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan, các quy chế, quy trình nghiệp vụ để đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đảm bảo cơ sở pháp lý triển khai mô hình hải quan số, hải quan thông minh và cải cách hành chính trong lĩnh vực Hải quan; triển khai Chính phủ điện tử và ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; Hoàn thiện và trình Ban Chỉ đạo phê duyệt mô hình tổng thể xây dựng Hải quan số, Hải quan thông minh.

Trên cơ sở đó, từ tháng 3 năm 2024 đến nay, Cục Hải quan đã trực tiếp tham mưu, hoặc có ý kiến tham gia trình Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền thông qua/ ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, như: Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Hải quan theo Luật số 90/2025/QH 15; một số Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính để hoàn thiện thể chế về hải

quan. Dưới đây là một số chính sách mới đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được ban hành trong thời gian trên:

1. Luật thuế GTGT số 48/2024/QH13

1.1. Về chính sách thuế GTGT

Luật thuế GTGT số 48/2024/QH13, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế GTGT có hiệu lực từ 01/7/2025, các đơn vị cập nhật các nội dung có sự thay đổi để đảm bảo thực hiện đúng quy định. Một số nội dung mới cần chú ý như sau như sau:

a) Về đối tượng không chịu thuế (Điều 5 Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15)

- Bổ sung quy định mới về đối tượng không chịu thuế GTGT đối với:

+ Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài của công ty cho thuê tài chính được vận chuyển thẳng vào khu phi thuế quan để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính (khoản 20 Điều 5).

+ Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác theo Danh mục do Chính phủ quy định phù hợp với định hướng của nhà nước về không khuyến khích xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu các tài nguyên, khoáng sản thô (khoản 23 Điều 5).

+ Tài sản di chuyển trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (điểm b khoản 26 Điều 5).

+ Hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh theo quy định của Chính phủ (điểm d khoản 26 Điều 5).

+ Hàng hóa mua bán, trao đổi để phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới thuộc Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới theo quy định của pháp luật và trong định mức được miễn thuế nhập khẩu theo pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (điểm đ khoản 26 Điều 5).

+ Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhập khẩu (điểm e khoản 26 Điều 5).

- Bỏ quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với:

+ Phân bón, tàu khai thác thủy sản tại vùng biển, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

+ Hàng hóa bán miễn thuế ở các cửa hàng bán hàng miễn thuế.

b) Về giá tính thuế GTGT (Điều 7 Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15)

Quy định giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định của pháp luật (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và cộng với thuế bảo vệ môi trường (nếu có) (điểm b khoản 1 Điều 7).

c) Về đối tượng áp dụng thuế suất 5% (Điều 9 Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15)

- Quy định thuế suất thuế GTGT 5% đối với mặt hàng phân bón, tàu khai thác thủy sản tại vùng biển, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp theo quy định của Chính phủ (điểm b, điểm g khoản 2 Điều 9).

- Quy định rõ “xơ bông đã qua chải thô, chải kỹ” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 5% (điểm e khoản 2 Điều 9).

- Quy định mặt hàng “đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn”, “các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học”, “nhựa thông sơ chế”, “lâm sản chưa qua chế biến” không thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%.

d) Quy định nguyên tắc áp dụng thuế suất thuế GTGT (khoản 4, khoản 5 Điều 9 Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15)

- Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có mức thuế suất GTGT khác nhau (bao gồm cả đối tượng không chịu thuế GTGT) phải khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu cơ sở kinh doanh không xác định theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo

mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh” (khoản 4 Điều 9).

- Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, dược liệu thì áp dụng thuế suất GTGT theo mức thuế suất quy định cho sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản.

Phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu được thu hồi để tái chế, sử dụng lại khi bán ra áp dụng mức thuế suất theo thuế suất của mặt hàng phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu bán ra (khoản 5 Điều 9).

1.2. Về việc áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ tại Luật số 90/2025/QH15

Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

Theo đó, tại Điều 4 Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 9 số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 9 như sau: “a) *Hàng hóa xuất khẩu bao gồm: hàng hóa từ Việt Nam bán cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa từ nội địa Việt Nam bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế; hàng hóa xuất khẩu tại chỗ;*”.

1.3. Về việc giảm thuế GTGT

Ngày 17/6/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 204/2025/QH15 cho phép thực hiện giảm thuế GTGT trong thời gian từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 như sau: “*Giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng, áp dụng đối với*

các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng)”. Ngày 30/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 174/2025/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 204/2025/QH15.

Cục Hải quan đã có công văn hướng dẫn số 11079/CHQ-NVTHQ ngày 27/6/2025 hướng dẫn các Chi cục Hải quan khu vực thực hiện.

Để triển khai các nội dung liên quan đến cơ quan hải quan, các đơn vị căn cứ quy định tại Nghị quyết số 204/2025/QH15, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP nêu trên thực hiện chính sách giảm thuế GTGT theo đúng quy định.

2. Một số điểm mới của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15

Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) số 66/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14/6/2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Các điểm mới:

2.1. Điều chỉnh đối tượng chịu thuế

Điều 2 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15 điều chỉnh đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như sau:

- *Bổ sung một số mặt hàng chịu thuế, bao gồm:*

- Trục thăng, tàu lượn
- Nước giải khát theo Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100mL

- *Một số sản phẩm điều hòa không còn chịu thuế:*

Trước đây, tất cả các loại điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống đều thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH13.

Theo quy định mới: Chỉ điều hoà nhiệt độ công suất trên 24.000 BTU đến 90.000 BTU thuộc đối tượng chịu thuế.

Các loại theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải bao gồm ô tô, toa xe lửa, máy bay, trực thăng, tàu, thuyền thì không thuộc đối tượng chịu thuế.

Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất bán hoặc tổ chức, cá nhân nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hòa nhiệt độ hoàn chỉnh).

- Chỉ rõ một số sản phẩm thuộc đối tượng chịu thuế:

- Vàng mã, hàng mã, không bao gồm hàng mã là đồ chơi trẻ em và đồ dùng dạy học.

- Kinh doanh đặt cược bao gồm đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức đặt cược khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Điều chỉnh đối tượng không chịu thuế

So với quy định trước đây, Điều 3 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15 điều chỉnh đối tượng không chịu thuế như sau:

- Bổ sung thêm một số đối tượng không chịu thuế

- Hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, thuê gia công trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài;

- Hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu;

- Xe ô tô không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và chỉ chạy trong khu di tích lịch sử, bệnh viện, trường học và xe chuyên dụng khác theo quy định của Chính phủ.

- Trục thăng, tàu lượn sử dụng cho mục đích cứu thương, cứu hộ, cứu nạn, huấn luyện đào tạo phi công;

- Xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không đăng ký lưu hành và chỉ chạy trong phạm vi khu di tích lịch sử, bệnh viện, trường học và xe ô tô chuyên dùng khác theo quy định của Chính phủ.

- Bỏ quy định

- **Bổ sung** trách nhiệm nộp thuế trong trường hợp quá thời hạn tái xuất khẩu, tái nhập khẩu hoặc bán ra hoặc thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

- **Bổ sung** cơ chế điều chỉnh đối tượng không chịu thuế: Trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung đối tượng không chịu thuế để phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

2.3. Bổ sung thêm căn cứ và phương pháp tính thuế tuyệt đối

Trước đây, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH13 chỉ quy định: Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và thuế suất. Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bằng giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân với thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt.

Theo Điều 5 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15, căn cứ và phương pháp tính thuế được bổ sung các nội dung:

- Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và thuế suất;

- Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối là lượng hàng hóa chịu thuế và mức thuế tuyệt đối.

2. Phương pháp tính thuế:

$$\text{Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp} = \text{Thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm} + \text{Thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối (nếu có)}$$

Trong đó:

$$\text{Thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm} = \text{Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế} \times \text{Thuế suất}$$

$$\text{Thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối} = \text{Lượng hàng hóa chịu thuế} \times \text{Mức thuế tuyệt đối}$$

Bổ sung 01 điều về thời điểm xác định thuế TTĐB (Điều 7)

2.4. Bổ sung mức thuế tuyệt đối đối với thuốc lá theo lộ trình từ 2027 - 2031

- Thuốc lá điều:

- Từ 01/01/2027: 2.000 đồng/bao
- Từ 01/01/2028: 4.000 đồng/bao
- Từ 01/01/2029: 6.000 đồng/bao
- Từ 01/01/2030: 8.000 đồng/bao
- Từ 01/01/2031: 10.000 đồng/bao
- Từ 01/01/2031: 10.000 đồng/bao

- Xì gà:

- Từ 01/01/2027: 20.000 đồng/điếu
- Từ 01/01/2028: 40.000 đồng/điếu
- Từ 01/01/2029: 60.000 đồng/điếu

- Từ 01/01/2030: 80.000 đồng/điều
- Từ 01/01/2031: 100.000 đồng/điều
- Thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác

- Từ 01/01/2027: 20.000 đồng/100g hoặc 100ml
- Từ 01/01/2028: 40.000 đồng/100g hoặc 100ml
- Từ 01/01/2029: 60.000 đồng/100g hoặc 100ml
- Từ 01/01/2030: 80.000 đồng/100g hoặc 100ml
- Từ 01/01/2031: 100.000 đồng/100g hoặc 100ml

Căn cứ bảng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt tại Điều 8 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15.

2.5. Tăng thuế suất đối với rượu theo lộ trình

- Rượu từ 20 độ trở lên:

- Từ 01/01/2026: 65%
- Từ 01/01/2027: 70%
- Từ 01/01/2028: 75%
- Từ 01/01/2029: 80%
- Từ 01/01/2030: 85%
- Từ 01/01/2031: 90%

- Rượu dưới 20 độ:

- Từ 01/01/2026: 35%
- Từ 01/01/2027: 40%
- Từ 01/01/2028: 45%
- Từ 01/01/2029: 50%
- Từ 01/01/2030: 55%
- Từ 01/01/2031: 60%

Căn cứ bảng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt tại Điều 8 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15.

2.6. Tăng thuế suất đối với bia theo lộ trình

Thuế suất đối với bia theo lộ trình quy định tại Điều 8 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15:

- Từ 01/01/2026: 65%
- Từ 01/01/2027: 70%
- Từ 01/01/2028: 75%
- Từ 01/01/2029: 80%
- Từ 01/01/2030: 85%
- Từ 01/01/2031: 90%

2.7. Bổ sung thuế suất đối với nước giải khát

Điều 8 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt quy định thuế suất đối với nước giải khát theo Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100ml:

- Từ 01/01/2027: 8%
- Từ 01/01/2028: 10%

2.8. Điều chỉnh trường hợp được hoàn thuế, khấu trừ thuế

Điều 9 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15 quy định các trường hợp được hoàn thuế, khấu trừ thuế như sau:

- Hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu ra nước ngoài.
- Quyết toán thuế khi giải thể, phá sản có số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết.

Trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để khấu trừ, hoàn thuế theo quy định;

- Hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trước đây, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH13 quy định người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn thuế đã nộp trong các trường hợp sau:

- Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu;
- Hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu;
- Quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động có số thuế nộp thừa;
- Có quyết định hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công – Luật số 90/2025/QH 15.

Ngày 25/6/2025, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội Khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Luật số 90/2025/QH 15. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật Hải quan theo Luật số 90/2025/QH 15 được xây dựng trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ, Cục Hải quan đã và đang triển khai quyết liệt các giải pháp cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn pháp lý trong hoạt động xuất nhập khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ cao, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 192/2025/QH15 và Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính

phủ, Bộ Tài chính (Cục Hải quan) đã tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực hải quan để đề xuất sửa đổi, bổ sung vào Luật Hải quan những chính sách đột phá, tháo gỡ kịp thời điểm nghẽn về pháp luật, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đạt mục tiêu 8%. Trong đó:

Thứ nhất, nhận thấy, công nghiệp bán dẫn là cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 5, là động lực phát triển nền tảng cho các tiến bộ về khoa học, công nghệ. Hiện nay nhiều nước trong khu vực và trên thế giới đã có các chính sách thu hút nguồn lực đầu tư nước ngoài và trong nước nhằm phát triển ngành công nghiệp bán dẫn như chính sách tạo thuận lợi thương mại mà ưu đãi thủ tục hải quan là một phần trong đó. Do vậy, nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực này, đặc biệt là doanh nghiệp mới được thành lập và thống nhất với Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Hải quan đã sửa đổi quy định về điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên cho các doanh nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao; doanh nghiệp thực hiện dự án công nghệ chiến lược; doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo; doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn. Các doanh nghiệp này do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố. Theo đó, so với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên cho các doanh nghiệp thông thường, các doanh nghiệp nêu trên không cần đáp ứng điều kiện về kim ngạch và điều kiện về tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế trong 2 năm liên tục.

Thứ hai, để minh bạch về chế độ ưu tiên, Luật Hải quan đã bổ sung quy định chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp nêu trên được áp dụng với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ số trọng điểm theo danh mục do Bộ Khoa học và Công

nghệ công bố. Danh mục này có mã số hàng hóa thống nhất với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Thứ ba, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, của Quốc hội và của Chính phủ về nhiệm vụ thiết lập cơ chế làn xanh để hỗ trợ các doanh nghiệp phụ trợ; sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá, đặc biệt là hoạt động mua bán hàng hoá giữa các doanh nghiệp chế xuất hoạt động trong nước để giảm thời gian thông quan và thủ tục tương đương với các nước trong khu vực. Đồng thời để tháo gỡ điểm nghẽn về pháp lý cho hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ, Luật Hải quan đã bổ sung 01 Điều quy định về kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ. Quy định này sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp về thời gian, chi phí, đồng thời loại bỏ các điểm nghẽn, đảm bảo ổn định chính sách.

Các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung của Luật Hải quan nêu trên đã được đưa vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - **Luật số 90/2025/QH15**.

Về bố cục sửa đổi, bổ sung của Luật Hải quan tại Luật số 90/2025/QH15 gồm: (1) Sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện áp dụng và chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn, doanh nghiệp công nghệ (Sửa đổi, bổ sung Điều 42 và Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 43) và (2). Bổ sung một điều mới quy định về thủ tục hải quan cho hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ và giao cho Bộ Tài chính quy định chi tiết điều này (Bổ sung Điều 47a vào sau Điều 47). Nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Hải quan cụ thể như sau:

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

“Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên

1. Doanh nghiệp được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục;
- b) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm đạt mức quy định;
- c) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có phần mềm hoặc hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan;
- d) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng;
- đ) Có hệ thống kiểm soát nội bộ;
- e) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán.

2. Doanh nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố là doanh nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao; doanh nghiệp thực hiện dự án công nghệ chiến lược; doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo; doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp ưu tiên thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ có ký Thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ ưu tiên, việc quản lý đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên.”.

2. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 43 như sau:

“4. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật này được áp dụng chế độ ưu tiên đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ số trọng điểm theo danh mục do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Danh mục quy định tại khoản này có mã số hàng hóa thống nhất với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.”.

3. Bổ sung Điều 47a vào sau Điều 47 như sau:

“Điều 47a. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ

1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hoá giao, nhận tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài theo hợp đồng mua bán, gia công, thuê, mượn giữa các doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài.

2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

Về quy định chuyển tiếp quy định sửa đổi, bổ sung Luật Hải quan, khoản 3 Điều 10 Luật số 90/2025/QH15 quy định như sau:

“Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ thuộc tờ khai hải quan đã đăng ký nhưng chưa hoàn thành thủ tục hải quan trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành được áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật này”.

Điều 47a mới được bổ sung vào Luật Hải quan, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được kỳ vọng sẽ giải quyết dứt điểm các vướng mắc về thủ tục hải quan và chính sách thuế trong nhiều năm qua. Đặc biệt, quy định còn có tính chất chuyển tiếp, cho phép áp dụng đối với các tờ khai đã đăng ký nhưng chưa hoàn tất thủ tục hải quan trước thời điểm luật mới có hiệu lực vào ngày 01/7/2025. Theo đó, cơ quan hải quan sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp về thời gian, chi phí, đồng thời loại bỏ các điểm nghẽn, đảm bảo ổn định chính sách, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ.

Một điểm nhấn khác là việc mở rộng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực hải quan, đặc biệt cho các doanh nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao; doanh nghiệp thực hiện dự án công nghệ chiến lược; doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo; doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn. Theo đó, so với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên cho các doanh nghiệp thông thường, các doanh nghiệp nêu trên không cần đáp ứng điều kiện về kim ngạch và điều kiện về tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế trong 2 năm liên tục. Việc này mở đường cho các doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực công nghệ dễ dàng tiếp cận cơ chế ưu tiên về thủ tục hải quan, mang lại lợi ích phát triển ngành công nghệ bán dẫn của quốc gia và doanh nghiệp sẽ được hưởng lợi.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp nêu trên chỉ được áp dụng chế độ ưu tiên đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ số trọng điểm theo danh mục do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố. Danh mục quy định tại khoản này có mã số hàng hóa thống nhất với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Để triển khai thực hiện các nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật Hải quan tại Luật số 90/2025/QH15. Ngày 30/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 167/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ. Theo đó, quy định về điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên; thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, khoản 5 Điều 21 Nghị định số 167/2015/NĐ-CP và quy định về thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP.

4. Nghị định số 131/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp

định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en giai đoạn 2024 – 2027

Ngày 15 tháng 10 năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 131/2024/NĐ-CP ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en (sau đây gọi tắt là Hiệp định VIFTA) giai đoạn 2024 - 2027 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này. Theo đó:

Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định VIFTA giai đoạn 2024 - 2027 (sau đây gọi tắt là Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt) gồm mã hàng, mô tả hàng hóa, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo các giai đoạn được nhập khẩu từ lãnh thổ I-xra-en vào Việt Nam đối với từng mã hàng.

Cụ thể, cột “Mã hàng” và cột “Mô tả hàng hóa” tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và chi tiết theo cấp mã 8 số hoặc 10 số.

Trường hợp Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sửa đổi, bổ sung, người khai hải quan kê khai mô tả, mã hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu sửa đổi, bổ sung và áp dụng thuế suất của mã hàng hoá được sửa đổi, bổ sung quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này.

Cột “Thuế suất VIFTA (%)” tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt: Thuế suất áp dụng cho các giai đoạn khác nhau, bao gồm:

- Cột “2024”: Thuế suất áp dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024;
- Cột “2025”: Thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025;

- Cột “2026”: Thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026;

- Cột “2027”: Thuế suất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Ký hiệu “*”: Hàng hóa nhập khẩu không được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Hiệp định VIFTA. Việc quản lý nhập khẩu và thuế suất thuế nhập khẩu các mặt hàng này được thực hiện theo quy định pháp luật.

Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với một số mặt hàng thuộc nhóm hàng 04.07; 17.01; 24.01; 25.01 chỉ áp dụng trong hạn ngạch thuế quan; danh mục và lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu hàng năm theo quy định của Bộ Công Thương và mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch áp dụng theo quy định tại Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan của Chính phủ tại thời điểm nhập khẩu.

Hàng hóa nhập khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định VIFTA phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này.

- Được nhập khẩu vào Việt Nam từ I-xra-en.

- Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa và có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của Hiệp định VIFTA và các quy định hiện hành.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027

Tổng cục Hải quan đã cập nhật trên hệ thống VNACCS/VCIS để hỗ trợ tự động xác định mức thuế suất cho người khai hải quan và yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện, cũng như đã thành lập các đầu mối tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để tiếp nhận thông tin, giải đáp vướng mắc nếu có phát sinh trong quá trình thực hiện.

5. Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ được xây dựng và ban hành để quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kịp thời thống nhất các nội dung trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng mô hình hải quan thông minh, hải quan số và Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2030; đồng thời đơn giản hoá, đảm bảo tính minh bạch trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá, xuất nhập cảnh phương tiện vận tải và đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung và tương thích với các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực hải quan; ngoài ra, củng cố cơ sở pháp lý về chuẩn cơ sở dữ liệu đầu vào phục vụ quản lý nhà nước về hải quan; công tác trị giá hải quan; thẩm quyền xử lý, thực thi công vụ của cơ quan hải quan trong các hoạt động kiểm tra sau thông quan và điều tra chống buôn lậu; nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người khai hải quan.

5.1. Về bố cục của Nghị định gồm:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Điều 4. Điều khoản thi hành

5.2. Về nội dung cơ bản: Nghị định số 167/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung 57 Điều, 02 mục; bãi bỏ 24 cụm từ/ khoản/ Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP và bãi bỏ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP, cụ thể:

5.2.1. Nội dung sửa đổi liên quan đến mô hình tổ chức bộ máy mới

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NQ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; để phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới của Cục Hải quan, Nghị định số 167/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến:

a) Thông quan hàng hóa tập trung: Sửa đổi một số Điều, khoản theo hướng quy định chung cơ quan thực hiện thủ tục hành chính như: Chi cục Hải quan khu vực quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh/ Chi cục Hải quan khu vực nơi dự kiến làm thủ tục hải quan/ Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án.... (Điều 4, Điều 25, Điều 50,)

b) Sửa đổi tên cơ quan, đơn vị, chức danh, thẩm quyền theo tổ chức bộ máy mới tại các Điều 4, 11, 12, 24, 25, 67, 72, 77, 97, 98, 103, 104...; đồng thời bổ sung một khoản quy định về việc thay thế một số cụm từ theo tên cơ quan, đơn vị, chức danh, thẩm quyền mới.

5.2.2. Nội dung sửa đổi để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 66/NQ-CP, Nghị quyết số 142/2024/QH15, tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã sửa đổi, bổ sung một số TTHC theo hướng đảm bảo đơn giản hóa thành phần hồ sơ hải quan, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, thực hiện các thủ tục hành chính theo phương thức điện tử, qua đó rút ngắn thời gian thông quan, giải phóng hàng, cụ thể:

a) Sửa đổi khoản 2 Điều 25 theo hướng chỉ có một số trường hợp được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai giấy, góp phần yêu cầu người khai hải quan chuyển qua thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

b) Bỏ nội dung về hồ sơ hải quan đối với hàng hóa trung chuyển tại Điều 44 gồm chứng từ vận tải, bảng kê chi tiết hàng hóa trung chuyển, văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền, thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành.

c) Sửa đổi khoản 1 Điều 37 về trách nhiệm của người khai hải quan khi thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu, theo đó, người khai hải quan chỉ cần có văn bản thông báo có cơ sở sản xuất, cam kết thực hiện sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Người khai hải quan không cần xuất trình các chứng từ về giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng từ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu về cơ sở sản xuất, mặt bằng sản xuất tại thời điểm nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị. Đồng thời, bỏ các quy định phải thông báo về Điều lệ tổ chức hoạt động, sổ cổ đông, báo cáo tài chính đối với trường hợp nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu nhưng sau đó thuê gia công lại...

d) Một số nội dung sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thành phần hồ sơ hải quan, đẩy mạnh việc thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cụ thể: bỏ “hợp đồng quá cảnh” tại Điều 43 (hồ sơ đối với hàng hóa quá cảnh); bỏ “văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại hoặc văn bản của hãng tàu/ đại lý hãng tàu thông báo không có người nhận” tại Điều 47 (hồ sơ hải quan tái nhập hàng hóa đã xuất khẩu); bỏ “văn bản chấp nhận nhận lại hoặc chỉ định xuất cho bên thứ ba của chủ hàng nước ngoài” tại Điều 48 (hồ sơ hải quan tái xuất hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan); bỏ quy định nộp giấy đăng ký phương tiện tại hồ sơ hải quan tại Điều 74, Điều 75, Điều 79, ...

5.2.3. Nội dung sửa đổi phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Để hoàn thiện thể chế nhằm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng như thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo các chủ trương

của Đảng, Nhà nước và giải quyết một số vướng mắc thực tế trong quá trình thực thi và quản lý, Bộ Tài chính đã đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 42, Điều 43 Luật Hải quan liên quan đến điều kiện áp dụng, chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn, doanh nghiệp công nghệ cao và bổ sung Điều 47a về kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.

Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

Do vậy, để đảm bảo đồng bộ cơ sở pháp lý, tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP đã sửa đổi một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, cụ thể: Điều 10, 11 quy định về chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp và Điều 35 quy định đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ.

Trong đó, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là: (i) Hàng hoá gia công tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài đặt gia công bán, chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; (ii) Hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp tại Việt Nam. Theo quy định tại Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP thì hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hoá giao, nhận tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài theo hợp đồng mua bán, gia công, thuê, mượn giữa các doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài, không phân biệt thương nhân nước ngoài là “có hiện diện” hay “không có hiện diện tại Việt Nam”. Khi thực hiện quy định nêu trên sẽ tháo gỡ được điểm nghẽn lớn nhất thời gian qua liên quan đến việc xác định điều kiện “không có hiện diện tại Việt Nam” của thương nhân nước ngoài, đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao, đồng thời đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của việc thực thi chính sách.

Ngoài ra, qua rà soát các quy định của pháp luật về chuyên ngành vẫn có việc quy định người khai hải quan phải nộp chứng từ chuyên ngành bản chính cho cơ quan hải quan, điều này là không phù hợp với yêu cầu điện tử hóa 100% chứng từ thuộc hồ sơ hải quan. Do vậy, để triển khai thực hiện thủ tục hải quan điện tử, chấm dứt việc yêu cầu người khai hải quan phải nộp hồ sơ giấy ngay trong năm 2025 (trừ một số trường hợp đặc biệt) theo tinh thần Nghị quyết 57- NQ/TW, tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP đã sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định về thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; trường hợp cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện thủ tục kiểm tra, cập nhật kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì cơ quan hải quan tiếp nhận bản chụp thông báo kết quả kiểm tra do người khai hải quan nộp thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Đồng thời, Nghị định số 167/2025/NĐ-CP đã sửa đổi Điều 70, 71, 74 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định về thủ tục hải quan với PTVT đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa xuất nhập cảnh theo hướng bổ sung nội dung quy định về việc thực hiện khai báo điện tử khi hệ thống CNTT đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử.

5.2.4. Nội dung sửa đổi để đáp ứng yêu cầu quản lý cũng như giải quyết vướng mắc phát sinh

Quy định về chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp; Trị giá hải quan; Kiểm tra hải quan trong quá trình xếp dỡ hàng hóa; Kiểm tra thực tế hàng hóa; Giám sát việc lấy mẫu hàng hóa phải KTCN; Trách nhiệm doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi bố trí khu vực lưu giữ hàng hóa vi phạm; Thủ tục đối với hàng hóa quá cảnh, trung chuyển; Thủ tục tái nhập hàng hóa đã xuất khẩu và tái xuất đối với hàng hóa đã nhập khẩu; Thủ tục hải quan đối với phương tiện quay vòng; Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; Thủ tục đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa cung ứng cho tàu bay xuất cảnh, tàu biển nước ngoài neo

đậu tại cảng biển Việt Nam; Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất nhập cảnh, quá cảnh; Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu biển xuất nhập cảnh; Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với PTVT xuất nhập cảnh qua cửa khẩu đường sắt; Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với PTVT xuất nhập cảnh qua cửa khẩu đường bộ; Quy định về hàng hóa gửi kho ngoại quan; Quy định về kiểm tra sau thông quan, kiểm soát hải quan.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2025. Riêng các khoản 5, 6 và 19 Điều 1 Nghị định này sửa đổi, bổ sung Điều 10, Điều 11 và Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều khoản chuyển tiếp Các doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, phải hoàn thiện điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định này sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ trong thời hạn tối đa không quá 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Nghị định này bãi bỏ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

6. Nghị định số 206/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2025 - 2030.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 206/2025/NĐ-CP quy định về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ

ngĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2025 - 2030. Theo đó:

- Về phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt và điều kiện hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định Thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (sau đây viết tắt là Hiệp định Thương mại Việt Nam - Lào) từ ngày 24 tháng 02 năm 2025 đến hết ngày 24 tháng 02 năm 2030.

- Về Danh mục hàng hóa có xuất xứ từ Lào theo Hiệp định Thương mại Việt Nam – Lào, được thực hiện theo 03 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này:

+ Phụ lục I - Danh mục hàng hóa được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế suất ATIGA của Việt Nam theo Hiệp định Thương mại Việt Nam - Lào.

+ Phụ lục II - Danh mục hàng hóa không được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định Thương mại Việt Nam - Lào.

+ Phụ lục III - Danh mục hàng hóa được hưởng chế độ hạn ngạch thuế quan hàng năm theo Hiệp định Thương mại Việt Nam - Lào.

- Hàng hóa nhập khẩu quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 7 của Nghị định này được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định Thương mại Việt Nam - Lào phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Được nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam.

+ Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa (bao gồm cả quy định về vận chuyển trực tiếp) và có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu S (C/O form S) do cơ quan có thẩm quyền của Lào cấp, theo quy định của Hiệp định Thương mại Việt Nam – Lào.

- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành đến hết ngày 24 tháng 02 năm 2030.

7. Thông tư số 29/2025/TT-BTC ngày 26/5/2025 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Nội dung Thông tư số 29/2025/TT-BTC gồm 4 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 191/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 56/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính; gồm:

1. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 như sau:

“a) Tờ khai hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp đối với hàng hóa nhập khẩu nhóm 2 hoặc tờ khai hàng hóa xuất khẩu trị giá thấp đối với hàng hóa xuất khẩu nhóm 2 theo chỉ tiêu thông tin tại mục II Phụ lục II Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp thực hiện trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP, doanh nghiệp nộp 02 bản chính tờ khai hải quan theo Mẫu số HQ/2015/XK hoặc Mẫu số HQ/2015/NK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã được khai theo hướng dẫn tại mục III Phụ lục II Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.”

2. Sửa đổi điểm a.3 khoản 1 Điều 10 Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 như sau:

“a.3) Khai bổ sung: Khai các chỉ tiêu thông tin được khai bổ sung theo hướng dẫn mục II Phụ lục II Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 191/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 56/2019/TT-BTC

Điều 3. Thay thế một số cụm từ tại Thông tư số 191/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 56/2019/TT-BTC

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan” tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 191/2015/TT-BTC thành “Cục trưởng Cục Hải quan”.

2. Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành “Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu” tại khoản 2 Điều 9, khoản 1 và khoản 2 Điều 12, khoản 4 và khoản 5 Điều 14, khoản 2 Điều 17 Thông tư số 191/2015/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại khoản 7, khoản 11, khoản 16 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC và mục III phụ lục II Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 191/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 56/2019/TT-BTC.

3. Tại Điều 10 Thông tư 191/2015/TT-BTC được sửa đổi tại khoản 8 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau: thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành “Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu”, thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan cửa khẩu” thành “Hải quan cửa khẩu”, thay thế cụm từ “Chi cục trưởng” thành “Đội trưởng”.

4. Tại khoản 3 Điều 12 Thông tư 191/2015/TT-BTC được sửa đổi tại khoản 11 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau: thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành “Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu”, thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan cửa khẩu” thành “Hải quan cửa khẩu”.

5. Thay thế cụm từ “khoản 3, khoản 4 Điều 17” tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 191/2015/TT-BTC thành “khoản 2 Điều 17”.

6. Thay thế cụm từ: “Cục hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố” tại khoản 1, khoản 3 Điều 27 Thông tư số 191/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 56/2019/TT-BTC thành “Chi cục Hải quan khu vực”.

7. Thay thế cụm từ: “Tổng cục Hải quan” tại Điều 4 Thông tư số 56/2019/TT-BTC thành “Cục Hải quan”.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 9 tháng 7 năm 2025.

8. Thông tư số 31/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá;

Nội dung Thông tư số 31/2025/TT-BTC gồm 3 Điều

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2021/TT-BTC với các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. Đơn vị thực hiện dán tem điện tử

a) Doanh nghiệp, tổ chức nhập khẩu sản phẩm rượu đóng chai, rượu thành phẩm dạng thùng, tét nhập khẩu về sang, chiết ra chai hoặc nhập khẩu sản phẩm thuốc lá có nhu cầu dán tem điện tử trong quá trình làm thủ tục nhập khẩu hoặc sau khi đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu thì phải thực hiện dán tem điện tử theo đúng quy định tại Thông tư này và tự chịu trách nhiệm việc dán tem điện tử trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ.

b) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức nhập khẩu sản phẩm rượu đóng chai hoặc nhập khẩu sản phẩm thuốc lá có nhu cầu dán tem điện tử tại cơ sở sản xuất ở nước ngoài thì phải đảm bảo việc dán tem điện tử theo đúng quy định tại Thông tư này trước khi nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. In, phát hành tem

a) Cục Hải quan chịu trách nhiệm in, cấp tem điện tử cho Chi cục Hải quan khu vực sử dụng theo nhu cầu của các đơn vị đã đăng ký theo định kỳ hàng năm.

b) Chi cục Hải quan khu vực thực hiện bán tem điện tử cho doanh nghiệp, tổ chức đã hoàn thành trách nhiệm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

c) Toàn bộ tem điện tử trước khi đưa vào sử dụng phải được Cục Hải quan thông báo phát hành trên Cổng thông tin điện tử Cục Hải quan (địa chỉ: <https://customs.gov.vn>). Nội dung thông báo phát hành bao gồm: Tên tem, mẫu/ký hiệu tem, số lượng, số seri, thời gian bắt đầu sử dụng, giá bán.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Mua, bán tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu

a) Trách nhiệm của cơ quan hải quan

Cục Hải quan thông báo và cập nhật khi có thay đổi giá bán tem điện tử trên Cổng thông tin điện tử Cục Hải quan (địa chỉ: <https://customs.gov.vn>).

Chi cục Hải quan khu vực thực hiện bán tem điện tử cho doanh nghiệp, tổ chức theo đề nghị của doanh nghiệp, tổ chức đảm bảo đầy đủ hồ sơ mua tem điện tử theo quy định và lũy kế số tem bán (của toàn ngành) không vượt quá số tem được cơ quan hải quan phê duyệt.

b) Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức khi mua tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu

- Nộp 01 đơn đề nghị mua tem điện tử rượu/tem điện tử thuốc lá nhập khẩu theo Mẫu số 09/TEM, Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc nộp bản giấy trong trường hợp Hệ thống gặp sự cố;

- Thanh toán tiền mua tem, nhận tem, quản lý và sử dụng tem theo đúng quy định tại Thông tư này.”

c) Sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Báo cáo tình hình sử dụng tem

Doanh nghiệp, tổ chức mua tem điện tử thực hiện khai báo, gửi dữ liệu thông tin về tem điện tử: Tổng số lượng tem đưa vào dán, số lượng tem dán thành công, số lượng tem bị hỏng, tên tem, ký hiệu mẫu số tem, ký hiệu tem, tên đơn vị nhập khẩu, mã số thuế đơn vị nhập khẩu, tên đơn vị sản xuất, ngày sản xuất... về Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo Mẫu số 12/TEM, Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

a) Thời hạn gửi dữ liệu thông tin về tem điện tử cụ thể như sau:

Trong thời gian năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành việc dán tem điện tử cho lô hàng và trước khi đưa sản phẩm ra thị trường tiêu thụ đối với sản phẩm rượu, thuốc lá nhập khẩu; hoặc sau khi thông quan và trước khi đưa sản phẩm ra thị trường tiêu thụ đối với sản phẩm rượu, thuốc lá nhập khẩu được dán tem tại cơ sở sản xuất ở nước ngoài.

b) Trường hợp bảng tổng hợp dữ liệu tem điện tử đã gửi cơ quan hải quan có sai, sót hoặc cần bổ sung thì ngay sau khi phát hiện sai, sót hoặc cần bổ sung (đảm bảo không quá năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành gửi dữ liệu thông tin về tem) người khai hải quan gửi lại bảng đã tổng hợp dữ liệu tem điện tử thay thế bảng tổng hợp dữ liệu tem điện tử có sai, sót hoặc cần bổ sung đã gửi theo Mẫu số 12/TEM, Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Với tem điện tử bị hỏng trong tổng số tem điện tử được doanh nghiệp, tổ chức khai báo, khi tra cứu hệ thống của Cục Hải quan sẽ xác định con tem điện tử đó không có giá trị sử dụng.

c) Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, sau khi hoàn thành việc dán tem điện tử cho hàng hoá, doanh nghiệp, tổ chức lập báo cáo sử dụng tem điện tử theo Mẫu số 12/TEM, Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi đến Chi cục Hải quan khu vực cấp bán tem điện tử.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cơ quan hải quan thông báo Hệ thống được khắc phục sự cố, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện khai báo, gửi dữ liệu thông tin về tem điện tử về Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo quy định.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“5. Tra cứu thông tin về tem điện tử

Khi người sử dụng sản phẩm thuốc lá, sản phẩm rượu hoặc các cơ quan có liên quan có nhu cầu tra cứu các thông tin của tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu đã dán lên sản phẩm thuốc lá, sản phẩm rượu nhập khẩu thì thực hiện quét mã QR hoặc truy cập trên Cổng thông tin điện tử Cục Hải quan (địa chỉ: <https://customs.gov.vn>).

Các thông tin của tem điện tử thuốc lá nhập khẩu, tem điện tử rượu nhập khẩu trên mã QR đã dán lên sản phẩm thuốc lá nhập khẩu, sản phẩm rượu nhập khẩu bao gồm: Số seri tem; tên tem, ký hiệu mẫu, ký hiệu; tên đơn vị sản xuất; ngày sản xuất; tên đơn vị nhập khẩu; mã số thuế đơn vị nhập khẩu; tên sản phẩm; quy cách đóng gói; số tờ khai hải quan/số Quyết định; ngày đăng ký tờ khai/ngày Quyết định.”

đ) Bổ sung khoản 7 Điều 5 như sau:

“7. Thủ tục mua tem điện tử để dán tại cơ sở sản xuất ở nước ngoài trước khi nhập khẩu vào thị trường Việt Nam

Khi vận chuyển tem điện tử ra cơ sở sản xuất tại nước ngoài để dán trên sản phẩm hàng hóa, căn cứ thời hạn giao hàng ghi trên hợp đồng mua bán, doanh nghiệp, tổ chức khai thời hạn tạm xuất tái nhập trên tờ khai hải quan và làm thủ tục hải quan tạm xuất tại cơ quan hải quan nơi thuận tiện.

Khi nhập khẩu hàng hóa đã được dán tem, ngoài khai làm thủ tục nhập khẩu sản phẩm, hàng hoá theo loại hình tương ứng, doanh nghiệp phải khai tờ khai hải quan và làm thủ tục tái nhập số lượng tem tương ứng với số lượng sản phẩm hàng hóa đã được dán tem. Trường hợp chưa sử dụng hoặc chưa sử dụng hết số lượng

tem đã làm thủ tục tạm xuất, doanh nghiệp chịu trách nhiệm lưu giữ để sử dụng cho số lượng sản phẩm hàng hóa còn lại trên hợp đồng mua bán, nếu điều chuyển sang hợp đồng mua bán khác thì phải thông báo lại cho cơ quan hải quan nơi bán tem biết và điều chỉnh thông tin mua tem trên Hệ thống.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Kinh phí in tem

Cơ quan hải quan thực hiện bán tem thuốc lá, rượu nhập khẩu cho các doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm thuốc lá, rượu. Cơ quan thuế thực hiện bán tem thuốc lá, rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước cho các tổ chức, cá nhân có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, rượu (bao gồm Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp).

Giá bán tem được xác định theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp toàn bộ các chi phí, gồm chi phí in tem và nộp thuế theo quy định; không bao gồm chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ quản lý để tiếp nhận, tra cứu dữ liệu, quản lý tem điện tử, các chi phí này do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan quyết định giá bán tem đảm bảo nguyên tắc nêu trên và phù hợp với thực tế thực hiện theo từng thời kỳ, từng đợt in phát hành tem đáp ứng kế hoạch, đăng ký nhu cầu sử dụng của tổ chức, cá nhân được phép sử dụng tem theo quy định.

Cục Thuế, Cục Hải quan được ngân sách Nhà nước bố trí kinh phí để in tem; số tiền thu được từ bán tem (sau khi nộp thuế theo quy định) được nộp toàn bộ vào ngân sách Nhà nước.”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, mẫu biểu của Thông tư số 23/2021/TT-BTC cho phù hợp với tổ chức bộ máy mới của ngành Thuế, Ngành Hải quan và một số mẫu biểu cho phù hợp.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.

9. Thông tư số 47/2025/TT-BTC ngày 20/6/2025 của Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong bối cảnh dịch Covid-19;

Theo đó, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư này nhằm bãi bỏ các Thông tư quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong bối cảnh dịch Covid-19. Cụ thể:

- Bãi bỏ toàn bộ các Thông tư sau đây: (1) Thông tư số 82/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu chuyển cửa khẩu trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu ứn tắc hoặc có nguy cơ ứn tắc tại cảng biển nơi thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31 ngày 3 tháng 2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 và (2). Thông tư số 121/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19, nộp chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong bối cảnh dịch Covid-19.

- Bãi bỏ nội dung “Việc kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định tại khoản này chỉ áp dụng đối với hàng xá, hàng rời và hàng hóa nhập khẩu phục vụ gia công, sản xuất xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất, cụ thể như sau:” tại khoản 9 Điều 29 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Thông tư 39/2018/TTBTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo đó, việc kiểm tra thực tế hàng hóa theo đề nghị của Hải quan nơi đăng ký tờ khai theo quy định tại khoản 9 Điều 29 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, sửa

đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC không còn hạn chế loại hàng hóa, loại hình xuất nhập khẩu

- Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 6 năm 2025.

8. Thông tư số 51/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ Tài chính quy định thủ tục về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Thông tư có 21 Điều quy định thủ tục về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. Cụ thể như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh

- Thông tư này quy định thủ tục về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh bao gồm:

+ Thủ tục thu, nộp ngân sách nhà nước bằng phương thức điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh do cơ quan hải quan quản lý theo quy định của pháp luật;

+ Thủ tục bảo lãnh khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng phương thức điện tử.

- Các thủ tục giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, được thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng, gồm:

- Người nộp thuế theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế.

- Cơ quan hải quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý thuế.

- Kho bạc Nhà nước các cấp.

- Ngân hàng thương mại, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, các tổ chức tín dụng khác thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng (sau đây gọi là ngân hàng), tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh quy định tại Thông tư này.

3. Nội dung cơ bản của Thông tư

- Về Nguyên tắc giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: Người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế quy định tại Thông tư này phải có khả năng truy cập và sử dụng mạng Internet, có địa chỉ thư điện tử và có chữ ký số theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

+ Người nộp thuế lựa chọn một trong các phương thức sau để thực hiện nộp thuế điện tử: (1). Cổng thanh toán điện tử hải quan/phần mềm, công cụ hỗ trợ do cơ quan hải quan cung cấp thông qua Cổng thanh toán điện tử hải quan; (2). Dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

+ Người nộp thuế lựa chọn bảo lãnh thuế điện tử của ngân hàng thì thực hiện theo hướng dẫn của ngân hàng.

+ Người nộp thuế lựa chọn một trong các phương thức sau để lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước: (1) Người nộp thuế truy cập Cổng thanh toán điện tử hải quan hoặc phần mềm, công cụ hỗ trợ do cơ quan hải quan cung cấp; (2). Người

nộp thuế truy cập vào ứng dụng thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

+ Cơ quan hải quan xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống tiếp nhận và xử lý dữ liệu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật và liên tục.

- Quy định về Chứng từ giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

- Quy định Chữ ký số giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

- Quy định về Nộp thuế điện tử qua Cổng thanh toán điện tử hải quan

- Quy định về Nộp thuế điện tử qua ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu

- Quy định về Nộp thuế điện tử qua ngân hàng phối hợp thu đồng thời có ủy nhiệm thu với Kho bạc Nhà nước

- Quy định về Nộp thuế điện tử qua ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chưa phối hợp thu với cơ quan hải quan

- Quy định về Cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước

- Quy định về Bảo lãnh thuế điện tử

.- Quy định về Thông tin trao đổi, cung cấp giữa cơ quan hải quan, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

- Quy định về Kết nối kỹ thuật giữa Cổng thanh toán điện tử hải quan và hệ thống trao đổi thông tin của ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

- Quy định về Xử lý thông tin khi hệ thống của cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu gặp sự cố

- Quy định về Đối chiếu số liệu và xử lý sai, sót trong đối chiếu giữa cơ quan hải quan với ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

- Quy định về Thực hiện tra soát, điều chỉnh thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế và xử lý sai, sót trong đối chiếu giữa các bên liên quan

- Quy định về Trao đổi, xử lý thông tin giữa người nộp thuế với cơ quan hải quan

- Quy định về Thực hiện tra soát, điều chỉnh thông tin và xử lý sai, sót bảo lãnh tiền thuế điện tử trong đối chiếu giữa các bên liên quan

- Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 7 tháng 8 năm 2025. Tổ chức đã tham gia phối hợp thu với cơ quan hải quan trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện phối hợp thu với cơ quan hải quan.

4. Tác động của việc ban hành Thông tư

Những quy định tại Thông tư góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý thuế góp phần cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và cả cơ quan quản lý như:

a. Đối với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

- Được chuẩn bị trước hồ sơ, cơ sở kỹ thuật tương ứng với tiêu chuẩn kỹ thuật được công khai trên Trang thông tin điện tử hải quan sau khi đã có đơn đề nghị kết nối kỹ thuật, góp phần giảm thiểu thời gian, chi phí đăng ký, thực hiện so với quy định tại Thông tư số 184/2015/TT-BTC trước đó;

b. Đối với người nộp thuế:

- Người nộp thuế có thể thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế qua nhiều kênh thanh toán phù hợp với nhu cầu thực tế thông qua ứng dụng của ngân hàng, ứng dụng của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc trực tuyến trên cổng giao dịch điện tử hải quan, làm tăng tiện ích và tăng trải nghiệm sử dụng dịch vụ nộp các khoản nộp NSNN thuế, phí hải quan;

- Được thực hiện ngay các thao tác thực hiện nghĩa vụ thuế, được thông báo các nghĩa vụ thuế phát sinh, tạo thuận lợi tối đa cho nộp tiền thuế, phí vào mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện kết nối internet: Tại bất kỳ thời điểm nào, người nộp thuế, người khai hải quan cũng có thể nhập lệnh thanh toán nộp tiền, không phân biệt thời gian dừng giao dịch của ngân hàng thương mại, giảm thời gian thông quan, giảm chi phí; giúp người nộp thuế, người khai hải quan chủ động nhiều hơn, tăng tiện ích của dịch vụ hải quan, tăng thu NSNN;

- Sẵn sàng khả năng mở rộng kênh, hình thức thu NSNN từ hoạt động xuất nhập khẩu cá nhân do xu hướng sử dụng thương mại điện tử xuyên biên giới ngày càng phát triển nhanh chóng;

- Chủ động hơn trong việc quản lý nguồn tiền đối với các khoản nộp NSNN.

c. Đối với cơ quan hải quan:

- Gia tăng tiện ích trong việc nộp thuế điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, góp phần gia tăng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt;

- Rút gọn các bước thực hiện quy trình, thủ tục hành chính.

Kết luận: Việc quy định tra soát, điều chỉnh bằng phương thức điện tử là nhu cầu rất lớn của các ngân hàng phối hợp thu, giảm giấy tờ, giảm thời gian xử lý, tra soát giữa cơ quan hải quan, tổ chức phối hợp thu, KBNN, góp phần làm giảm chi phí các bên và giảm thời gian nộp thuế.